| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NHÀ BÈ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 1177/QĐ-UBND | *Nhà Bè, ngày 25 tháng 5 năm 2016* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Về ban hành Kế hoạch huy động trẻ đến trường và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2016 - 2017

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch huy động trẻ đến trường và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2015 - 2016;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định Kế hoạch huy động trẻ đến trường và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2016 - 2017.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Huyện, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã – thị trấn, Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:***<br>- Như điều 3;<br>- Sở GDĐT;<br>- TT.HU, UBND Huyện;<br>- UBMTTQ và đoàn thể Huyện;<br>- Lưu (VT). | **KT. CHỦ TỊCH**<br>**PHÓ CHỦ TỊCH**<br><br>**Trần Hải Yến** |

| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NHÀ BÈ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

# KẾ HOẠCH
## Huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2016 – 2017

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè)*

Căn cứ tình hình cơ sở vật chất, mạng lưới trường lớp theo yêu cầu phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện Nhà Bè;

Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè xây dựng Kế hoạch huy động trẻ vào các lớp mầm non và tuyển sinh vào các lớp 1, lớp 6 tại huyện Nhà Bè năm học 2016 – 2017, cụ thể như sau:

### I. YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC TUYỂN SINH

**1.** Đảm bảo đủ chỗ học cho con em nhân dân trong Huyện, đặc biệt là con em gia đình chính sách, gia đình nghèo, công nhân; thực hiện tốt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục bậc trung học. Thực hiện tốt công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở.

**2.** Tập trung xây dựng trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế ở mỗi bậc học và cấp học theo Quyết định 3036/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Khuyến khích các trường trung học tổ chức dạy môn toán và các môn tự nhiên bằng ngoại ngữ nhằm thực hiện chủ trương chủ động hội nhập và thực hiện chương trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của Thành phố, khuyến khích tổ chức dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam tại các trường công lập trên địa bàn Huyện.

**3.** Thực hiện đúng quy chế ở mỗi bậc học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo nghiêm túc, an toàn, công bằng, chính xác, đánh giá đúng trình độ người học, phản ánh đúng chất lượng dạy và học.

**4.** Nghiêm cấm các trường vận động, quyên góp và thu các khoản ngoài quy định khi tuyển sinh.

### II. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

#### 1. Huy động trẻ vào trường mầm non

- Dân số độ tuổi sinh năm 2011 *(5 tuổi): 1951* trẻ. Trong đó, diện thường trú: 1678 trẻ, diện tạm trú dài hạn: 273 trẻ *(số liệu địa phương cập nhật đến ngày 16/5/2016).*

- Chỉ tiêu tuyển sinh cụ thể các lớp từ nhóm trẻ, lớp mầm, chồi và lá *(theo phụ lục 1 đính kèm).*

**2. Tuyển sinh vào lớp 1**

- Dân số độ tuổi sinh năm 2010 *(6 tuổi): 2606* trẻ. Trong đó, diện thường trú: 1350, diện tạm trú dài hạn: 25, diện lưu trú: 1231 *(số liệu địa phương cập nhật đến ngày 15/5/2016).*

- 100% trẻ 6 tuổi (*sinh năm 2010)* được vào học lớp 1 ở các hệ trường công lập, không nhận học sinh học sớm tuổi và học trái tuyến theo quy định tại kế hoạch này.

**3. Tuyển sinh vào lớp 6**

- Số học sinh hoàn thành chương trình cấp tiểu học: 1869 học sinh.

- 100% học sinh đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học được vào học lớp 6 ở các hệ trường công lập, bổ túc văn hóa.

**4. Xét tuyển vào lớp 10**

- Tổng số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở: 1287 học sinh.

- Huy động trên 99 % học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học lớp 10 phổ thông, bổ túc văn hóa, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề; trong đó, tư vấn phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 16 %.

## III. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

**1. Huy động trẻ ra lớp mầm non 5 tuổi và các lớp khác**

- Huy động 100% trẻ 5 tuổi vào trường mầm non theo chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh do Ban tuyển sinh Huyện quy định *(theo phụ lục 1).* Số lớp dự kiến: 53 lớp *(bình quân 37.8 trẻ/lớp)*; số lớp bán trú: 53/53 lớp, tỉ lệ: 100%. Trong đó, công lập: 41 lớp *(1678 trẻ)*, ngoài công lập: 12 lớp *(325 trẻ).*

- Căn cứ Kế hoạch số 594/KH-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về phát triển trường lớp mầm non, xây dựng đội ngũ giáo viên và lộ trình thu nhận trẻ từ 6 tháng tuổi năm 2014 và giai đoạn 2015 – 2020; Kế hoạch số 2330/KH-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non từ 6 tháng tuổi đến 18 tháng tuổi trên địa bàn huyện Nhà Bè từ năm 2014 – 2020, phấn đấu huy động 30% trẻ trong độ tuổi nhà trẻ và 90% trẻ mẫu giáo ra lớp; tiếp tục thực thực hiện lộ trình thu nhận trẻ sau 6 tháng tuổi do Thành phố chỉ đạo điểm, tổ chức 04 nhóm trẻ từ 6 -12 tháng và 04 nhóm trẻ từ 12 – 18 tháng *(trong đó, công lập 06 nhóm, ngoài công lập 02 nhóm), (theo phụ lục 1).*

- Các trường, cơ sở giáo dục mầm non cần ưu tiên huy động số trẻ 5 tuổi trên địa bàn theo quy định; việc huy động các độ tuổi còn lại *(nhà trẻ và mẫu giáo)* tùy tình hình thực tế của cơ sở, tổ chức thu nhận theo quy định của ngành.

- Các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập có lớp 5 tuổi cần đảm bảo thực hiện đúng chương trình giáo dục mầm non hiện hành, đảm bảo 2 giáo viên đạt trình độ chuẩn và tay nghề chuyên môn từ khá trở lên cho mỗi lớp, đủ trang thiết bị và không tổ chức lớp ghép với trẻ 5 tuổi.

- Thời gian tuyển sinh:

+ Phát hành hồ sơ: từ ngày 30/5/2016 đến 15/6/2016.

+ Đối với trẻ 5 tuổi: bắt đầu thu nhận hồ sơ từ ngày 15 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả tuyển sinh sơ bộ vào ngày 15 tháng 7 năm 2016 và công bố kết quả tuyển sinh đợt 1 vào ngày 30 tháng 7 năm 2016.

+ Đối với các độ tuổi khác *(nhà trẻ, 3 tuổi và 4 tuổi):* tùy điều kiện cơ sở vật chất trường lớp, đội ngũ giáo viên, các trường lưu giữ học sinh cũ và tổ chức thu nhận trẻ mới theo chỉ tiêu giao.

+ Sau khi công bố kết quả tuyển đợt 1, nếu chưa đạt chỉ tiêu đề ra, các trường tiếp tục phối hợp với địa phương tổ chức tuyển đợt 2 từ ngày 01 tháng 8 năm 2016 đến ngày 15 tháng 8 năm 2016.

*Lưu ý: cần ưu tiên tuyển hết trẻ 5 tuổi thường trú và tạm trú dài hạn trong địa bàn được giao trước; tùy điều kiện cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên của trường còn lại có thể nhận thêm các diện cư trú và các độ tuổi khác.*

- Hồ sơ dành cho trẻ mới:

+ Đơn xin nhập học.

+ Bản sao khai sinh hợp lệ.

+ Bản sao hộ khẩu thường trú và giấy chứng nhận cư trú *(nếu có đăng ký cư trú).*

+ Biểu đồ theo dõi phát triển của trẻ và phiếu điều tra tâm lý trẻ trước khi vào nhóm lớp *(theo mẫu chung do Sở Giáo dục và Đào tạo phát hành).*

+ Phiếu khám chứng nhận sức khỏe trước khi vào nhóm lớp.

+ Bản sao giấy xác nhận tiêm chủng, sổ theo dõi sức khỏe của trẻ *(đề nghị đem theo bản chính để đối chiếu, kiểm tra).*

**2. Tuyển sinh vào lớp 1**

***a) Lớp 1***

- Huy động 100% trẻ 6 tuổi diện đi học *(sinh năm 2010)* đang cư trú trên địa bàn Huyện vào lớp 1 theo phân tuyến của Ban chỉ đạo công tác tuyển sinh Huyện quy định *(theo phụ lục 2).*

- Phấn đấu thực hiện sĩ số lớp theo Điều lệ trường tiểu học: 35 học sinh/lớp

- Bắt đầu tuyển sinh từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 và công bố kết quả tuyển sinh vào ngày 30/7/2016.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin nhập học.

+ Bản sao khai sinh hợp lệ.

+ Bản sao hộ khẩu thường trú (có thị thực), nếu trường hợp tạm trú phải có thêm sổ tạm trú (có thị thực hoặc mang theo bản chính để đối chiếu), hoặc giấy xác nhận tạm trú kèm theo.

***b) Tuyển sinh vào lớp 1 tăng cường ngoại ngữ (tiếng Anh)***

Tiếp tục thực hiện chương trình tăng cường ngoại ngữ *(tiếng Anh);* việc tổ chức học sinh vào lớp 1 tăng cường ngoại ngữ thực hiện theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố *(bắt đầu dạy vào đầu học kỳ 2 năm học 2016 – 2017),*cụ thể như sau:

| **Trường tiểu học** | **Số lớp tăng cường** | **Số học sinh** | **Sĩ số HS/ lớp** | **Ngoại ngữ tăng cường** |
|---|---|---|---|---|
| 1. Trần Thị Ngọc Hân | 9 | 315 | 35 | Tiếng Anh |
| 2. Lâm Văn Bền | 3 | 105 | 35 | Tiếng Anh |
| 3. Nguyễn Trực | 5 | 175 | 35 | Tiếng Anh |
| 4. Nguyễn Bình | 1 | 35 | 35 | Tiếng Anh |
| 5. Trang Tấn Khương | 4 | 140 | 35 | Tiếng Anh |
| 6. Dương Văn Lịch | 3 | 105 | 35 | Tiếng Anh |
| 7. Nguyễn Văn Tạo | 3 | 105 | 35 | Tiếng Anh |
| 8. Lê Lợi | 3 | 105 | 35 | Tiếng Anh |
| 9. Lê Văn Lương | 3 | 105 | 35 | Tiếng Anh |
| 10. Tạ Uyên | 3 | 105 | 35 | Tiếng Anh |
| 11. Lê Quang Định | 3 | 105 | 35 | Tiếng Anh |
| 12. Bùi Văn Ba | 2 | 70 | 35 | Tiếng Anh |
| 13. Bùi Thanh Khiết | 2 | 70 | 35 | Tiếng Anh |
| | 44 | 1540 | 35 | |

***c) Tuyển sinh vào lớp 1 chương trình tích hợp***

Hiệu trưởng các trường triển khai Đề án "Dạy và học môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam" đến các bậc phụ huynh học sinh của trường. Tùy vào điều kiện cơ sở vật chất của trường, khả năng và

nhu cầu của các bậc phụ huynh, trường báo cáo cho Phòng Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo tiến hành thí điểm mở lớp 1 chương trình tích hợp.

**3. Tuyển sinh vào lớp 6**

***a) Lớp 6***

- Học sinh trong độ tuổi quy định hoàn thành chương trình cấp tiểu học được vào học lớp 6 ở các hệ trường công lập trên địa bàn theo phân bố của Ban chỉ đạo công tác tuyển sinh Huyện *(theo phụ lục 3, 4 và 5)*. Dự kiến tuyển 44 lớp, bình quân 43 học sinh/ lớp. Điều kiện tuyển sinh theo đúng quy chế và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nghiêm cấm các đơn vị đặt ra các chế độ ưu tiên, khuyến khích khác theo Quyết định số 12/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 6 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông.

- Bắt đầu tuyển sinh từ ngày 15 tháng 6 năm 2016 và công bố kết quả tuyển sinh vào ngày 15/7/2016.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin dự tuyển vào trung học cơ sở.

+ Học bạ *(bản chính)* của cấp tiểu học có xác nhận hoàn thành chương trình cấp tiểu học hoặc có giấy xác nhận hoàn thành chương trình cấp tiểu học của Hiệu trưởng các trường tiểu học.

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ.

+ Bản sao hộ khẩu thường trú (có thị thực), nếu trường hợp tạm trú phải có thêm sổ tạm trú (có thị thực hoặc mang theo bản chính để đối chiếu), hoặc giấy xác nhận tạm trú kèm theo.

***b) Tuyển sinh vào lớp 6 tăng cường ngoại ngữ (tiếng Anh):***

- Tiếp nhận học sinh đã được công nhận đạt yêu cầu cấp tiểu học của chương trình và có điểm kiểm tra công nhận trình độ từng kỹ năng từ 6 điểm trở lên hoặc có điểm toàn năm từng kỹ năng từ 6 điểm trở lên hoặc có chứng chỉ Cambridge Flyer đạt 10/15 khiên hoặc TOEFL Primary Step 2 đạt 3/5 huy hiệu.

- Học sinh của những lớp này là các em học lớp tăng cường tiếng Anh tại các trường tiểu học đủ điều kiện học lên lớp 6 tăng cường tiếng Anh *(theo phân tuyến quy định)*.

| Trường | Số lớp tăng cường | Số học sinh | Sĩ số HS/lớp | Ngoại ngữ tăng cường |
|---|---|---|---|---|
| 1. THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm | 3 | 105 | 35 | Tiếng Anh |
| 2. THCS Lê Văn Hưu | 4 | 140 | 35 | Tiếng Anh |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 3. THCS Hiệp Phước | 1 | 35 | 35 | Tiếng Anh |
| 4. THCS Nguyễn Văn Quỳ | 3 | 105 | 35 | Tiếng Anh |
| 5. THCS Hai Bà Trưng | 2 | 70 | 35 | Tiếng Anh |
| 6. THCS Phước Lộc | 1 | 35 | 35 | Tiếng Anh |
| **Tổng số** | **14** | **490** | 35 | Tiếng Anh |

- Đối với các loại hình lớp học tăng cường tiếng Anh *(ở tiểu học và ở trung học cơ sở)*, hằng năm Hội đồng trường có trách nhiệm xem xét đưa ra khỏi chương trình các em học sinh không theo kịp chương trình và tổ chức khảo sát tuyển bổ sung nhưng phải bảo đảm sĩ số không quá theo quy định *(30 – 35 học sinh/ lớp)*.

***c) Tuyển sinh vào lớp 6 chương trình tích hợp***

Hiệu trưởng các trường triển khai Đề án "Dạy và học môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam" đến các bậc phụ huynh học sinh của trường. Tùy vào điều kiện cơ sở vật chất của trường, khả năng và nhu cầu của các bậc phụ huynh, trường báo cáo cho Phòng Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo tiến hành thí điểm mở lớp 6 chương trình tích hợp.

## IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Là cơ quan thường trực, tham mưu Ủy ban nhân dân Huyện xây dựng và triển khai Kế hoạch huy động trẻ ra lớp Mầm non và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2016 – 2017 đến các cơ quan đơn vị; các trường trực thuộc Huyện, trường trung học phổ thông và Trung tâm giáo dục thường xuyên để có kế hoạch thực hiện.

- Tham mưu thành lập Ban chỉ đạo tuyển sinh của Huyện và chỉ đạo thành lập Hội đồng tuyển sinh tại các trường trực thuộc.

- Tổ chức các kỳ thi tuyển sinh bảo đảm nghiêm túc, an toàn và chính xác theo sự chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố.

- Theo dõi, đôn đốc quá trình triển khai thực hiện của các trường và tổ chức kiểm tra đánh giá rút kinh nghiệm theo từng giai đoạn, đảm bảo kế hoạch tuyển sinh được tổ chức thực hiện chu đáo, chặt chẽ và đúng quy định.

### 2. Đài Truyền thanh

Thường xuyên phát thanh tuyên truyền, vận động trẻ trong độ tuổi ra lớp đúng thời gian, đúng tuyến theo kế hoạch của Huyện.

### 3. Ủy ban nhân dân các xã – thị trấn

- Tổ chức điều tra, vận động toàn bộ trẻ trong độ tuổi ra lớp theo kế hoạch của Huyện.

- Cung cấp danh sách trẻ 5 tuổi, 6 tuổi, học sinh còn trong độ tuổi đi học phổ thông chưa ra lớp hoặc nghỉ, bỏ học trước đây chưa trở lại trường cho các trường theo địa bàn tuyển sinh nêu trên để làm cơ sở cho công tác huy động và tuyển sinh, hạn cuối là ngày 30 tháng 5 năm 2016.

- Thường xuyên phối hợp với các Trường trên địa bàn nắm tình hình tuyển sinh, kịp thời điều chỉnh, giải đáp với phụ huynh khi cần; Thực hiện thông tin, báo cáo theo quy định.

**4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể Huyện**

Hỗ trợ thực hiện theo "Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2016 - 2017" của Huyện.

**5. Các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn Huyện**

- Mỗi đơn vị thành lập 01 Hội đồng tuyển sinh trình cấp có thẩm quyền ra quyết định để thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt. Hội đồng tuyển sinh bao gồm:

+ Chủ tịch: Hiệu trưởng

+ Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng hoặc Chủ tịch Công đoàn.

+ Thư ký: Thư ký Hội đồng nhà trường hoặc chọn các tổ *(khối)* trưởng chuyên môn.

+ Ủy viên: chọn trong các tổ *(khối)* trưởng chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên dạy lớp.

Thành viên Hội đồng tuyển sinh được lựa chọn là những người có kinh nghiệm, có phẩm chất đạo đức tốt và có tinh thần trách nhiệm cao.

*(Các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở gửi danh sách dự kiến Hội đồng tuyển sinh về Phòng Giáo dục và Đào tạo vào ngày 10 tháng 6 năm 2016).*

- Hội đồng tuyển sinh có nhiệm vụ:

+ Nghiên cứu kế hoạch tuyển sinh, tình hình thực tế của địa phương, tình hình học sinh để phối hợp với Ủy ban nhân dân các Xã – Thị trấn nhằm tuyên truyền, vận động, tạo điều kiện cho trẻ, học sinh ra lớp đạt chỉ tiêu đã đề ra.

+ Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các nguyên tắc xét tuyển, hồ sơ xét tuyển theo chỉ đạo.

+ Cuối mỗi đợt tuyển sinh, cần đánh giá kết quả và báo cáo về Ủy ban nhân dân Huyện thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo kịp thời theo yêu cầu.

+ Công khai kết quả tuyển sinh trong Hội đồng trường theo từng đợt.

- Hiệu trưởng các trường phối hợp với địa phương thông báo rộng rãi kế hoạch này trong và ngoài nhà trường, trên đài phát thanh của địa phương; có

phương án, kế hoạch để huy động và tuyển sinh, chịu trách nhiệm chính trong công tác tuyển sinh; nắm rõ được số học sinh ra trường chuyển tiếp lên cấp học mới. Riêng các trường tiểu học phải có thông báo cụ thể đến từng phụ huynh học sinh và học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học về tuyển sinh lớp 6.

- Các trường tiểu học chuyển và bàn giao hồ sơ học sinh hoàn thành chương trình bậc tiểu học cho các trường trung học cơ sở theo chỉ tiêu – địa bàn tuyển sinh nêu trên, hạn cuối là ngày 10 tháng 6 năm 2016. Hồ sơ chuyển sang gồm: Học bạ học sinh HTCTBTH, danh sách học sinh hoàn thành chương trình bậc tiểu học *(có ký duyệt của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo)*, các trường trung học cơ sở tiến hành quản lý hồ sơ làm công tác tuyển sinh theo quy định.

- Ngoài việc thực hiện các báo cáo nhanh, thường kỳ theo yêu cầu của Sở, Huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường thực hiện báo cáo và kết số liệu tuyển sinh gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo duyệt vào ngày 12 tháng 9 năm 2016 *(Hồ sơ gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo gồm: Danh sách tuyển sinh và bảng thống kê số liệu).*

***Lưu ý:***

*Sau khi công bố kết quả tuyển sinh, các trường có thể tổ chức dạy ôn tập Hè cho học sinh và báo cáo cho Phòng Giáo dục và Đào tạo về tình hình tuyển sinh; nếu chưa đảm bảo theo chỉ tiêu quy định như nêu trên, các trường tiếp tục phối hợp với địa phương để huy động và tuyển sinh tiếp tục.*

## V. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý THÊM

**1.** Về độ tuổi nhận vào lớp 6 phổ thông

- Học sinh từ 11 tuổi đến 14 tuổi *(theo giấy khai sinh hợp lệ, từ năm 2005).*

- Đối với học sinh được học vượt lớp ở cấp học trước hoặc học sinh vào cấp học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định thì tuổi vào lớp 6 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm tốt nghiệp cấp học trước.

- Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở tuổi cao hơn 3 tuổi so với tuổi quy định.

**2.** Học sinh đã hoàn thành chương trình bậc tiểu học những năm trước *(học sinh cũ),* còn tuổi dự tuyển và có hồ sơ hợp lệ, được phép tham gia dự tuyển.

**3.** Hiệu trưởng các trường chỉ nhận xét tuyển đúng theo khu vực, địa bàn quy định và phải ưu tiên nhận hết số học sinh thuộc địa bàn, khu vực được phân tuyến để đảm bảo việc đi lại, học tập của học sinh được thuận lợi.

*Các trường hợp học sinh hoàn thành chương trình bậc tiểu học năm học 2015 – 2016 học tại trường Trần Thị Ngọc Hân, Lâm Văn Bền thuộc các xã khác trên địa bàn Huyện và diện tạm trú sẽ học lớp 6 tại trường THCS Lê Văn Hưu. Riêng các trường hợp học sinh thường trú tại Quận 7, hai trường mời phụ huynh họp và động viên các em về học lớp 6 tại địa phương. Trường Lâm Văn Bền và*

*trường Trần Thị Ngọc Hân lập danh sách các em thuộc đối tượng này để giao hồ sơ cho trường THCS Lê Văn Hưu.*

**4.** Đối với học sinh thuộc các diện tạm trú, ngay khu vực quy định thu nhận, nếu đủ hồ sơ và điều kiện xét tuyển theo quy định như trên, trường tiếp nhận hồ sơ vào học và kịp thời báo cho Phòng Giáo dục và Đào tạo nắm số lượng học sinh trên địa bàn nhưng trường không đủ chỗ học.

**5.** Đối với những học sinh từ Quận, Huyện khác chuyển đến, nếu đủ hồ sơ và điều kiện xét tuyển; tùy theo điều kiện trường lớp, Hiệu trưởng có thể quyết định thu nhận vào học.

**6.** Đối với cấp trung học cơ sở học sinh xin chuyển đi học các trường ngoài Huyện, Hiệu trưởng thực hiện chuyển trường theo quy định.

**7.** Những học sinh chưa ra học lớp 1 và lớp 6 *(đã tốt nghiệp tiểu học)* những năm trước đó, học sinh nghỉ, bỏ học trước đây còn trong độ tuổi quy định và có hồ sơ hợp lệ thuộc khu vực - địa bàn trường nào thì trường đó có trách nhiệm xét tuyển và tiếp nhận.

**8.** Những trường hợp xin học trái tuyến theo quy định và diện lưu trú xin học tại trường Lâm Văn Bền, Trần Thị Ngọc Hân, Nguyễn Trực, Tạ Uyên, các trường hướng dẫn phụ huynh học sinh gửi đơn về Phòng Giáo dục và Đào tạo để tập hợp trình cho Ủy ban nhân dân Huyện xem xét giải quyết:

**- Thời gian nhận đơn: 01 tháng 7 năm 2016 đến 08 tháng 7 năm 2016**

- Thông báo kết quả xét duyệt: đợt 1: 15 tháng 7 năm 2016; đợt 2: 29 tháng 7 năm 2016.

Trên đây là kế hoạch huy động trẻ ra các lớp mầm non và tuyển sinh vào lớp 1, lớp 6 năm học học 2016 - 2017 tại huyện Nhà Bè. Đề nghị thủ trưởng các đơn vị có liên quan nghiên cứu, tổ chức triển khai thực hiện tốt. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì liên hệ Phòng Giáo dục và Đào tạo để được hướng dẫn thêm./.

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Hải Yến**

## Phụ lục 1: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể từng nhóm trẻ, lớp mầm, chồi và lá

### I. Trường mầm non công lập

| Xã – Thị trấn | TS trẻ 5 tuổi | | Tên trường mầm non | TS phòng học | TS trẻ thu nhận | Nhà trẻ | | | | | | | | | | Mẫu giáo | | | | | | | | Tỉ lệ huy động trẻ 5 tuổi *(diện thường trú)* | Bình quân trẻ 5 tuổi/ lớp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Thường trú | Tạm trú | | | | 6-12 tháng | | 13-18 tháng | | 19-24 tháng | | 25-36 tháng | | Cộng | | 3 tuổi | | 4 tuổi | | 5 tuổi | | Cộng | | | |
| | | | | | | Số nhóm | Số trẻ | Số nhóm | Số trẻ | Số nhóm | Số trẻ | Số nhóm | Số trẻ | Số nhóm | Số trẻ | Số lớp | Số trẻ | Số lớp | Số trẻ | Số lớp | Số trẻ | Số lớp | Số trẻ | | |
| Thị trấn NB | 122 | 12 | 1.Thị trấn NB | 6 | 217 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 25 | 2 | 60 | 3 | 132 | 6 | 217 | 108% | 44 |
| | 127 | 17 | 2. Sơn Ca | 9 | 287 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 20 | 1 | 25 | 2 | 45 | 2 | 50 | 2 | 60 | 3 | 132 | 7 | 242 | 104% | 44 |
| | 102 | 18 | 3. Tuổi Ngọc | 9 | 287 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 20 | 1 | 25 | 2 | 45 | 2 | 50 | 2 | 60 | 3 | 132 | 7 | 242 | 129% | 44 |
| Phú Xuân | 356 | 39 | 4. Mạ Non | 10 | 396 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 25 | 2 | 60 | 7 | 311 | 10 | 396 | 87% | 44 |
| Long Thới | 181 | 44 | 5. Đồng Xanh | 14 | 421 | 1 | 15 | 1 | 15 | 1 | 20 | 1 | 25 | 4 | 75 | 3 | 75 | 3 | 90 | 4 | 181 | 10 | 346 | 100% | 45 |
| Hiệp Phước | 209 | 12 | 6. Sao Mai | 12 | 374 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 25 | 1 | 25 | 2 | 50 | 3 | 90 | 6 | 209 | 11 | 349 | 100% | 35 |
| Phước Kiển | 228 | 70 | 7. Họa Mi | 19 | 548 | 1 | 15 | 1 | 15 | 1 | 20 | 3 | 75 | 6 | 125 | 3 | 75 | 4 | 120 | 6 | 228 | 13 | 423 | 100% | 38 |
| Nhơn Đức | 223 | 41 | 8. Hướng Dương | 20 | 573 | 1 | 15 | 1 | 15 | 1 | 20 | 2 | 50 | 5 | 100 | 4 | 100 | 5 | 150 | 6 | 223 | 15 | 473 | 100% | 37 |
| Phước Lộc | 130 | 20 | 9. Vành Khuyên | 10 | 320 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 50 | 2 | 50 | 2 | 50 | 3 | 90 | 3 | 130 | 8 | 270 | 100% | 43 |
| **Tổng cộng** | **1678** | **273** | | **109** | **3423** | **3** | **45** | **3** | **45** | **5** | **100** | **11** | **275** | **22** | **465** | **20** | **500** | **26** | **780** | **41** | **1678** | **87** | **2958** | 100% | 41 |

### II. Trường mầm non tư thục

| Xã – Thị trấn | TS trẻ 5 tuổi | | Tên trường mầm non | TS phòng học | TS trẻ thu nhận | Nhà trẻ | | | | | | | | | | Mẫu giáo | | | | | | | | Tỉ lệ huy động trẻ 5 tuổi | Bình quân trẻ 5 tuổi/ lớp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Thường trú | Tạm trú | | | | 7-12 tháng | | 13-18 tháng | | 19-24 tháng | | 25-36 tháng | | Cộng | | 3 tuổi | | 4 tuổi | | 5 tuổi | | Cộng | | | |
| | | | | | | Số nhóm | Số trẻ | Số nhóm | Số trẻ | Số nhóm | Số trẻ | Số nhóm | Số trẻ | Số nhóm | Số trẻ | Số lớp | Số trẻ | Số lớp | Số trẻ | Số lớp | Số trẻ | Số lớp | Số trẻ | | |
| Thị trấn NB | 122 | 12 | 1. Phượng Hồng | 6 | 180 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 25 | 1 | 25 | 1 | 25 | 2 | 60 | 2 | 70 | 5 | 155 | | |
| | 127 | 17 | 2. Nam Sơn | 5 | 150 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 25 | 1 | 25 | 1 | 25 | 1 | 30 | 2 | 70 | 4 | 125 | | |
| | 102 | 18 | 3.Hoa Hồng | 6 | 170 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 25 | 1 | 25 | 2 | 50 | 2 | 60 | 1 | 35 | 5 | 145 | | |
| Phú Xuân | 356 | 39 | | 0 | 0 | | | | | | | | | 0 | 0 | | | | | | | 0 | 0 | | |
| Long Thới | 181 | 44 | | 0 | 0 | | | | | | | | | 0 | 0 | | | | | | | 0 | 0 | | |
| Hiệp Phước | 209 | 12 | 4. Bé Xinh | 3 | 80 | | | | | | | 1 | 25 | 1 | 25 | 1 | 25 | 1 | 30 | | | 2 | 55 | | |
| Phước Kiển | 228 | 70 | 5. Hoa Quỳnh | 7 | 190 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 50 | 2 | 50 | 2 | 50 | 2 | 60 | 1 | 30 | 5 | 140 | | |
| | | | 6. Hoa Hướng Dương | 7 | 125 | 1 | 5 | 1 | 10 | 1 | 15 | 1 | 20 | 4 | 50 | 1 | 25 | 1 | 30 | 1 | 20 | 3 | 75 | | |
| | | | 7.Ngôi Nhà Mơ Ước | 5 | 120 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 20 | 1 | 25 | 2 | 45 | 1 | 25 | 1 | 30 | 1 | 20 | 3 | 75 | | |
| | | | 8. Bé Vui | 5 | 115 | | | | | 1 | 20 | 1 | 20 | 2 | 40 | 1 | 25 | 1 | 30 | 1 | 20 | 3 | 75 | | |
| | | | 9. Bầu Trời Xanh | 5 | 115 | | | | | 1 | 20 | 1 | 20 | 2 | 40 | 1 | 25 | 1 | 30 | 1 | 20 | 3 | 75 | | |
| | | | 10. Mi Sa 2 | 4 | 95 | | | | | | | 1 | 20 | 1 | 20 | 1 | 25 | 1 | 30 | 1 | 20 | 3 | 75 | | |
| Nhơn Đức | 223 | 41 | 11. BiBi | 3 | 75 | | | | | | | | | 0 | 0 | 1 | 25 | 1 | 30 | 1 | 20 | 3 | 75 | | |
| Phước Lộc | 130 | 20 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Tổng cộng** | **1678** | **273** | | **56** | **1415** | **1** | **5** | **1** | **10** | **4** | **75** | **11** | **255** | **17** | **345** | **13** | **325** | **14** | **420** | **12** | **325** | **39** | **1070** | | |

*** Ghi chú:**

- Các trường mầm non công lập ưu tiên thu nhận 1678/1678 trẻ 5 tuổi diện thường trú (tỉ lệ 100%). Các trường thuộc địa bàn Thị trấn Nhà Bè sau khi nhận hết số trẻ thường trú tại địa phương, có thể nhận thêm trẻ thuộc Ấp 3 - xã Phú Xuân cho đủ chỉ tiêu giao.

- Các trường mầm non tư thục chủ yếu thu nhận trẻ diện đang tạm trú trên địa bàn và nơi khác đến.

UBND HUYỆN NHÀ BÈ
**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

## PHỤ LỤC 2: CHỈ TIÊU VÀ ĐỊA BÀN TUYỂN SINH TRẺ 6 TUỔI VÀO LỚP 1 NĂM HỌC 2016 - 2017

| Tên trường TiH | Loại hình (Công lập/ Ngoài công lập) | Tên Ấp (khu phố), Xã - Thị trấn | Tổng số trẻ 6 tuổi | | | Khả năng nhận | | Chỉ tiêu nhận | | | | | | Tỷ lệ huy động |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | Số lớp | | | | | Tổng số học sinh | |
| | | | Thường trú | KT3 | Tạm trú | Tổng số lớp | Số HS/ lớp | Học 1 buổi | Học 2 buổi | Tăng cường ngoại ngữ | Đề án Tiếng Anh tích hợp | Bán trú | | |
| 1. Trần Thị Ngọc Hân | Công lập | KP4 - TTNB | 75 | 5 | 30 | | | | | | | | | |
| | | KP5 - TTNB | 65 | 5 | 40 | | | | | | | | | |
| | | KP6 - TTNB | 115 | 5 | 50 | 11 | 35 | 0 | 11 | 9 | | 9 | 390 | 100% |
| 2. Lâm Văn Bền | Công lập | KP7 - TTNB | 62 | 10 | 88 | 5 | 35 | 0 | 5 | 3 | | 3 | 160 | 100% |
| 3. Nguyễn Trực | Công lập | Ấp 3 - Phú Xuân | 32 | | 25 | | | | | | | | | |
| | | Ấp 4 - Phú Xuân | 29 | | 24 | | | | | | | | | |
| | | Ấp 5 - Phú Xuân | 29 | | 22 | | | | | | | | | |
| | | Ấp 6 - Phú Xuân | 34 | | 18 | | | | | | | | | |
| | | Lưu trú TTNB và Ấp 1, 2 xã Phú Xuân | | | 32 | 7 | 35 | | 7 | 6 | | 5 | 245 | 100% |
| 4. Nguyễn Bình | Công lập | Ấp 1 - Phú Xuân | 54 | | 8 | | | | | | | | | |
| | | Ấp 2 - Phú Xuân | 57 | | 9 | 3 | 43 | | 3 | 1 | | 1 | 128 | 100% |
| 5. Trang Tấn Khương | Công lập | Ấp 1 - Long Thới | 30 | | 51 | | | | | | | | | |
| | | Ấp 2 - Long Thới | 68 | | 75 | | | | | | | | | |
| | | Ấp 3 - Long Thới | 26 | | 30 | 8 | 35 | | 8 | 4 | | 4 | 280 | 100% |
| 6. Dương Văn Lịch | Công lập | Ấp 1 - Hiệp Phước | 45 | | 205 | 7 | 35 | | 7 | 4 | | 3 | 250 | 100% |
| 7. Nguyễn Văn Tạo | Công lập | Ấp 2 - Hiệp Phước | 17 | | 2 | | | | | | | | | |
| | | Ấp 3 - Hiệp Phước | 101 | | 18 | | | | | | | | | |
| | | Ấp 4 - Hiệp Phước | 17 | | 10 | 5 | 33 | | 5 | 3 | | 2 | 165 | 100% |
| 8. Lê Lợi | Công lập | Ấp 1 - Nhơn Đức | 33 | | 40 | | | | | | | | | |
| | | Ấp 2 - Nhơn Đức | 35 | | 44 | 4 | 38 | | 4 | 3 | | 3 | 152 | 100% |
| 9. Lê Văn Lương | Công lập | Ấp 3 - Nhơn Đức | 62 | | 35 | | | | | | | | | |
| | | Ấp 4 - Nhơn Đức | 64 | | 35 | 6 | 32 | | 6 | 3 | | 3 | 196 | 100% |
| 10. Tạ Uyên | Công lập | Ấp 1 - Phước Kiển | 45 | | 30 | | | | | | | | | |
| | | Ấp 2 - Phước Kiển | 24 | | 28 | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Ấp 4 - Phước Kiển | 25 | | 28 | 6 | 30 | | 6 | 3 | | 4 | 180 | 100% |
| **11. Lê Quang Định** | Công lập | Ấp 3 - Phước Kiển | 63 | | 127 | 6 | 32 | | 6 | 4 | | 4 | 190 | 100% |
| **12. Bùi Văn Ba** | Công lập | Ấp 5 - Phước Kiển | 32 | | 88 | 4 | 30 | | 4 | 2 | | 2 | 120 | 100% |
| **13. Bùi Thanh Khiết** | Công lập | Ấp 1 - Phước Lộc | 18 | | 10 | | | | | | | | | |
| | | Ấp 2 - Phước Lộc | 20 | | 12 | | | | | | | | | |
| | | Ấp 3 - Phước Lộc | 30 | | 7 | | | | | | | | | |
| | | Ấp 4 - Phước Lộc | 43 | | 10 | 5 | 30 | | 5 | 2 | | 3 | 150 | 100% |
| **Huyện** | | | **1350** | **25** | **1231** | **77** | **35** | **0** | **77** | **47** | **0** | **46** | **2606** | **100%** |

UBND HUYỆN NHÀ BÈ
**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

## PHỤ LỤC 3a: BẢNG SỐ LIỆU CỤ THỂ CHỈ TIÊU LỚP TĂNG CƯỜNG NGOẠI NGỮ TRƯỜNG TIỂU HỌC

| Trường tiểu học | Số lớp tăng cường | Số học sinh | Sĩ số lớp | Ghi chú (Ghi cụ thể ngoại ngữ tăng cường) |
|---|---|---|---|---|
| **1. Trần Thị Ngọc Hân** | 9 | 315 | 35 | Tiếng Anh |
| **2. Lâm Văn Bền** | 3 | 105 | 35 | Tiếng Anh |
| **3. Nguyễn Trực** | 5 | 175 | 35 | Tiếng Anh |
| **4. Nguyễn Bình** | 1 | 35 | 35 | Tiếng Anh |
| **5. Trang Tấn Khương** | 4 | 140 | 35 | Tiếng Anh |
| **6. Dương Văn Lịch** | 4 | 140 | 35 | Tiếng Anh |
| **7. Nguyễn Văn Tạo** | 3 | 105 | 35 | Tiếng Anh |
| **8. Lê Lợi** | 3 | 105 | 35 | Tiếng Anh |
| **9. Lê Văn Lương** | 3 | 105 | 35 | Tiếng Anh |
| **10. Tạ Uyên** | 3 | 105 | 35 | Tiếng Anh |
| **11. Lê Quang Định** | 4 | 140 | 35 | Tiếng Anh |
| **12. Bùi Văn Ba** | 2 | 70 | 35 | Tiếng Anh |
| **13. Bùi Thanh Khiết** | 2 | 70 | 35 | Tiếng Anh |
| **Huyện** | **46** | **1610** | **35** | Tiếng Anh |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ
**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG SỐ LIỆU CỤ THỂ TỪNG PHƯỜNG, TRƯỜNG THCS**

| Tên trường THCS | Xã/ Thị trấn | Tổng số HS tốt nghiệp tiểu học | Khả năng nhận: Tổng số lớp | Khả năng nhận: Số HS lớp | Chỉ tiêu nhận: Số lớp: Học 1 buổi | Chỉ tiêu nhận: Số lớp: Học 2 buổi | Chỉ tiêu nhận: Số lớp: Tăng cường ngoại ngữ | Chỉ tiêu nhận: Số lớp: Bán trú | Chỉ tiêu nhận: Tổng số HS tuyển vào lớp 6 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Nguyễn Bỉnh Khiêm | TT Nhà Bè (học sinh thuộc diện thường trú khu phố 4,5,6,7 trường Trường Trần Thị Ngọc Hân) | 194 | 7 | 44 | | 7 | 3 | 3 | 308 | |
| | TT Nhà Bè (học sinh thuộc diện thường trú khu phố 4,5,6,7 trường Trường Lâm Văn Bền) | 114 | | | | | | | | |
| Lê Văn Hưu | Xã Phú Xuân (Trường TH Nguyễn Trực) | 201 | 11 | 43 | | 11 | 4 | 3 | 470 | |
| | Xã Phú Xuân (Trường TH Nguyễn Bình) | 116 | | | | | | | | |
| | học sinh thuộc các xã trong Huyện và diện tạm trú tại TTNB (học trường TH Lâm Văn Bền và Trần Thị Ngọc Hân) | 153 | | | | | | | | |
| Nguyễn Văn Quỳ | Xã Phước Kiển (Trường TH Tạ Uyên) | 180 | 8 | 42 | | 8 | 2 | 4 | 334 | |
| | Xã Phước Kiển (Trường TH Lê Quang Định) | 105 | | | | | | | | |
| | Xã Phước Kiển (Trường TH Bùi Văn Ba) | 49 | | | | | | | | |
| Hai Bà Trưng | Xã Long Thới (Trường TH Trang Tấn Khương) | 157 | 9 | 41 | | 9 | 3 | 2 | 396 | |
| | Xã Nhơn Đức (Trường TH Lê Lợi) | 135 | | | | | | | | |
| | Xã Nhơn Đức (Trường TH Lê Văn Lương) | 104 | | | | | | | | |
| Hiệp Phước | Xã Hiệp Phước (Trường TH Dương Văn Lịch) | 125 | 6 | 41 | | 6 | 1 | 1 | 246 | |
| | Xã Hiệp Phước (Trường TH Nguyễn Văn Tạo) | 121 | | | | | | | | |
| Phước Lộc | Xã Phước Lộc ( Trường TH Bùi Thanh Khiết) | 115 | 3 | 38 | | 3 | 1 | 0 | 115 | |
| Tổng cộng | **Tổng cộng** | **1869** | **44** | **43** | **0** | **44** | **14** | **13** | **1869** | |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ
**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mẫu 5a

## BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ LỚP TĂNG CƯỜNG NGOẠI NGỮ THCS

| Tên trường THCS | Số lớp tăng cường | Số học sinh | Sĩ số/ lớp | Ghi chú (Ghi rõ ngoại ngữ tăng cường) |
|---|---|---|---|---|
| Nguyễn Bỉnh Khiêm | 3 | 105 | 35 | Tiếng Anh |
| Lê Văn Hưu | 4 | 140 | 35 | Tiếng Anh |
| Hiệp Phước | 1 | 35 | 35 | Tiếng Anh |
| Nguyễn Văn Quỳ | 3 | 105 | 35 | Tiếng Anh |
| Hai Bà Trưng | 2 | 70 | 35 | Tiếng Anh |
| Phước Lộc | 1 | 35 | 35 | Tiếng Anh |
| Tổng cộng | 14 | 490 | | |

Mẫu 5b

## BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ LỚP CHƯƠNG TRÌNH TÍCH HỢP TRƯỜNG THCS

| Tên trường THCS | Số lớp tăng cường | Số học sinh | Sĩ số lớp | Ghi chú ( Ghi cụ thể chương trình tích hợp) |
|---|---|---|---|---|
| Nguyễn Bỉnh Khiêm | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Lê Văn Hưu | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Hiệp Phước | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Nguyễn Văn Quỳ | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Hai Bà Trưng | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Phước Lộc | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tổng cộng | 0 | 0 | 0 | 0 |